

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - GIA LAI

2. Ông Nguyễn Văn Anh.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn H, xã C, tỉnh Gia Lai. Số định danh cá nhân 064092001983. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý, anh chị tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện C (nay là xã C), tỉnh Gia Lai vào ngày 17/02/2017. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân hai vợ chồng tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Cuộc sống vợ chồng từ đây không còn hạnh phúc. Chị cảm thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Năm 2022, chị đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con đối với anh L, sau đó chị đã rút đơn đề mong vợ chồng hàn gắn nhưng anh L vẫn chứng nào tật nấy không chịu thay đổi. Chị không còn tình cảm yêu thương anh L nữa. Anh chị đã

sống ly thân từ tháng 06/2025 cho đến nay. Do đó, chị đề nghị quý Tòa án nhân dân khu vực 11 – Gia Lai giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Nguyễn Hoàng L**.

- *Về con chung*: Anh chị có 02 người con chung là cháu **Nguyễn Hoàng M**, sinh ngày 10/8/2017 (nam) và **Nguyễn Hoàng Bảo N1**, sinh ngày 08/10/2023 (nữ).

Hiện các cháu đang sống với chị **N**. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng con chung là cháu **Nguyễn Hoàng M** và **Nguyễn Hoàng Bảo N1**. Chị không yêu cầu anh **L** phải cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh **Nguyễn Hoàng L***: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo nhưng anh **L** vắng mặt không có lý do. Tại bản tự khai đề ngày 10/4/2026, anh **L** không đồng ý ly hôn với chị **Huỳnh Thị Bích N**. Ngoài ra anh **L** không có trình bày nội dung nào khác.

*** Ý kiến và đề nghị của Viện kiểm sát.**

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án về cơ bản là đúng theo quy định tại Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX xử cho chị **Huỳnh Thị Bích N** được ly hôn với anh **Nguyễn Hoàng L**.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là **Nguyễn Hoàng M** (Giới tính: Nam), sinh ngày 10/8/2017; **Nguyễn Hoàng Bảo N1** (Nữ), sinh ngày 08/10/2023. Đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83, 84, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị **N** được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là hợp lý; anh **L** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **N**.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, buộc chị **N** phải chịu án phí DSST – HNGĐ là 300.000 đồng.

*** Đối với tài liệu, chứng cứ của vụ án**: Trong vụ án này, các đương sự đã giao nộp chứng cứ đúng theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 03/11/2025, nguyên đơn là chị **Huỳnh Thị Bích N** có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn anh **Nguyễn Hoàng L** và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức nội dung đơn khởi kiện của chị **N** đúng quy định, anh **Nguyễn Hoàng L** có nơi cư trú tại **xã C, tỉnh Gia Lai** nên Tòa án nhân dân khu vực 11 - Gia Lai đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng

dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn là anh **Nguyễn Hoàng L** vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị **N**, anh **L** và yêu cầu khởi kiện của chị **N** thấy rằng:

Chị **Huỳnh Thị Bích N** và anh **Nguyễn Hoàng L** tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **I**, huyện **C** (nay là xã **C**), tỉnh **Gia Lai** vào ngày 17/02/2017, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống thì giữa vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Chị **N** và anh **L** đã sống ly thân từ tháng 06/2025 mà không còn liên hệ về tình cảm với nhau nữa. Anh **L** không đồng ý ly hôn, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, anh **L** không đến Tòa án để làm việc. Việc anh **L** vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm, không muốn hàn gắn những mâu thuẫn hôn nhân giữa anh và chị **N**.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị **Huỳnh Thị Bích N** và anh **Nguyễn Hoàng L** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Chị **Huỳnh Thị Bích N** yêu cầu được ly hôn với anh **Nguyễn Hoàng L** là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **N**, cho chị **N** được ly hôn với anh **L**.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị **N** và anh **L** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Hoàng M**, sinh ngày 10/8/2017 (nam) và **Nguyễn Hoàng Bảo N1**, sinh ngày 08/10/2023 (nữ). Khi ly hôn, chị **N** yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng con chung là cháu **Nguyễn Hoàng M** và **Nguyễn Hoàng Bảo N1**; chị **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu **M** và cháu **N1** hiện đang ở với chị **N** và được chị **N** chăm sóc tốt, chị **N** có công việc và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng tốt cho các con chung, mặt khác cháu **M** có nguyện vọng được sống với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu **Nguyễn Hoàng M** và **Nguyễn Hoàng Bảo N1** cho chị **N** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị **N** không yêu cầu anh **L** phải cấp dưỡng nuôi con, đây là quyền tự định đoạt của chị **N** nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh **L** không phải cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc chị **N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 và 266 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị **Huỳnh Thị Bích N**.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị **Huỳnh Thị Bích N** được ly hôn với anh **Nguyễn Hoàng L**.

1.2 Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Hoàng M**, sinh ngày 10/8/2017 (nam) và **Nguyễn Hoàng Bảo N1**, sinh ngày 08/10/2023 (nữ) cho chị **Huỳnh Thị Bích N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu **Lâm thành N2** hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Nguyễn Hoàng L** không phải cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.”

2. Về án phí: Buộc chị **Huỳnh Thị Bích N** phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị **N** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005127 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 11 – Gia Lai;
- UBND xã Chư Pưh, tỉnh Gia Lai
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Nam Anh Chính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện Chư Pưh (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chư Pưh (01 bản);
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai (01 bản);
- UBND xã IaBlứ, huyện Chư Pưh(01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);
- Lưu VT (01 bản).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tiến Sỹ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

